

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Khánh.
2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: ông Dương Thiện Nam – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Doãn Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Thành C, sinh năm: 1963; Nơi cư trú: Khu phố B, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

Bị đơn: bà Võ Thị B, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Khu phố B, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thành C và bà Võ Thị B tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1980, không đăng ký kết hôn, được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế. Từ năm 2015 cho đến nay, ông C và bà B thường xuyên cãi vã vì ông đi làm thuê ở xa, bao nhiêu tiền ông C làm dành dụm bà Võ Thị B nói cho người khác ăn hết, từ đó cả hai không còn tin tưởng nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ

chồng giữa ông C và bà B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai quan tâm đến ai nên ông C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông C được ly hôn bà Võ Thị B.

2. Về con chung: Trong thời kỳ sống chung, ông C và bà Võ Thị B có với nhau 03 con chung tên Nguyễn Thành V1, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Thanh V2, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990. Nay, 03 người con đã trưởng thành, đều lập gia đình sống riêng nên ông C không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

4. Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2022, bị đơn bà Võ Thị B trình bày:

Bà B và ông Nguyễn Thành C đã chung sống với nhau được hơn 42 năm, có với nhau 03 người con chung tên Nguyễn Thành V1, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Thanh V2, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990. Năm 2018, ông C đi bán vé số có quen người phụ nữ khác, về đến nhà là ông C chửi mắng, đánh đập vợ con, sau đó ông C bỏ nhà đi không tin tức gì. Đầu năm 2022, ông C về đòi ly hôn, ông C chửi mắng bà B. Ông C muốn đi đâu thì đi, khi nào về thì cứ về, bà B không làm khó. Ngôi nhà hiện nay do công sức bà B làm nên bà B không đi đâu hết, bà B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông C.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn giữ nguyên lời trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 55, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; và Căn cứ Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C. Về quan hệ hôn nhân cho ông Nguyễn Thành C được ly hôn bà Võ Thị B; về con chung, về tài sản chung và nợ: không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự; Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông C và bà B chung sống với nhau từ trước ngày 03/01/1987, là hôn nhân thực tế, được pháp luật thừa nhận. Ông Nguyễn Thành C yêu cầu xin ly hôn bà Võ Thị B, bà B không đồng ý ly hôn và hiện đang cư trú tại Khu phố B, phường HV, thị xã Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: theo nội dung Biên bản xác minh ngày 15/8/2022 của Ủy ban nhân dân phường HV cung cấp: “ông Nguyễn Thành C và bà Võ Thị B tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố 4, phường Hoà Vinh, có 03 con chung...”. Mặc dù, ông C và bà B không có đăng ký kết hôn nhưng đã sống chung trước ngày 03/01/1987, căn cứ theo Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà B được pháp luật thừa nhận là vợ chồng hợp pháp.

Xét thấy, hôn nhân giữa ông C với bà B đã rạn nứt trầm trọng, ông C bỏ nhà đi từ năm 2018 cho đến nay, hai bên tự sống xa nhau một thời gian đúng như nội dung Biên bản xác minh ngày 15/8/2022 “ông C và bà B đã không còn sống chung từ cuối năm 2019 cho đến nay...”. Như vậy, giữa ông C và bà B đã tự cắt đứt liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không ai còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thành C được ly hôn với bà Võ Thị B, để đảm bảo các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: Ông C và bà B đều thừa nhận trong thời kỳ hôn nhân, ông C và bà Võ Thị B có với nhau 03 con chung tên Nguyễn Thành V1, sinh năm 1981; Nguyễn Thị Thanh V2, sinh năm 1985 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1990. Nay, 03 người con đã trưởng thành, đều lập gia đình sống riêng. Ông C, bà B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Ông C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 55, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành C.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Thành C được ly hôn với bà Võ Thị B.

2. Về con chung: không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: ông Nguyễn Thành C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ theo Biên lai tạm ứng án phí số 0001932 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường HV;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên